

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 6 - 2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khải.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2022, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Kỳ N, sinh năm 1972 (xin vắng mặt) .

- Bị đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm Q, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2022, nguyên đơn là ông Phan Kỳ N trình bày:

Về hôn nhân, vào tháng 01/1999 ông và bà Võ Thị T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian từ năm 2018 đến nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Ông và bà Võ Thị T không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay mà không thể hàn gắn và tiếp tục cuộc sống chung. Xét thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên ông yêu cầu Tòa

án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Võ Thị T. Về con chung, có 01 người tên là Phan Phương Đ (giới tính nam), sinh năm 2000 hiện nay đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Võ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông Phan Kỳ N yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là ông Phan Kỳ N vắng mặt, có làm đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Võ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về nội dung: Về hôn nhân, ông Phan Kỳ N và bà Võ Thị T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ông Phan Kỳ N xác định quá trình chung sống với bà Võ Thị T thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Thời gian từ năm 2018 đến nay ông Phan Kỳ N và bà Võ Thị T thường xuyên mâu thuẫn. Cả hai người không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay mà không thể hàn gắn và tiếp tục cuộc sống chung nên ông Phan Kỳ N yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị T. Do hôn nhân của các đương sự không phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, ông Phan Kỳ N và bà Võ Thị T không được công nhận là vợ chồng. Về con chung: Có 01 người tên là Phan Phương Đ (giới tính nam), sinh năm 2000 hiện nay đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông Phan Kỳ N yêu cầu tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Ông Phan Kỳ N xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phan Kỳ N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Phan Kỳ N và bà Võ Thị T là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phan Kỳ N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Phan Kỳ N đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017682, ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước